

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1011/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-11-2023

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thường Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Nga
- Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: ông Đào Văn Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 593/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/7/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 565/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 472/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Tú D**, sinh năm: 1975 (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: C4/28C/9C8 ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm: 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: C4/28C/9C8 ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 20/6/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn bà Lê Thị Tú D trình bày:

Bà D và ông Huỳnh Văn T bắt đầu chung sống từ năm 2015, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28/01/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không thể hòa hợp,

không có tiếng nói chung, không còn hạnh phúc. Do đó bà D và ông T đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà D và ông T có 01 con chung tên là Huỳnh Lê Quốc K, sinh ngày 01/9/2016. Hiện tại cháu K đang sống cùng bà D. Khi ly hôn bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Trong đơn khởi kiện bà D đề nghị ông T cấp dưỡng nuôi con là 10.000.000 (mười triệu) đồng/ tháng. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 02/8/2023, bà D thay đổi yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 6.000.000 (sáu triệu) đồng/tháng.

Về T sản chung: Bà D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 08/11/2023, nguyên đơn bà Lê Thị Tú D có nộp Đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung như sau: Sau khi ly hôn bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Huỳnh Lê Quốc K, sinh ngày 01/9/2016, bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với các yêu cầu khác bà D vẫn giữ nguyên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Huỳnh Văn T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng bất cứ văn bản nào.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các T liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự thì xét thấy việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Lê Thị Tú D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Huỳnh Văn T. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: “*Đương sự Huỳnh Văn T, sinh năm: 1976 có thực tế cư trú và đăng ký tạm trú tại: Tổ 6 ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18/8/2022 đến nay*”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị Tú D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, còn bị đơn ông Huỳnh Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 03/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/01/2015 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Tú D và ông Huỳnh Văn T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D xác định giữa bà và ông T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, vợ chồng chung sống thường hay cãi vã, không có tiếng nói chung, không thể tìm được phương cách giải quyết mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng đã không còn. Vì vậy, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo công văn số: 3064/UBND ngày 14/8/2023 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà D, ông T ghi nhận “*Ủy ban nhân dân xã V chưa giải quyết mâu thuẫn về hôn nhân giữa bà Lê Thị Tú D với ông Huỳnh Văn T*”. Còn ông Huỳnh Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà D, điều này cho thấy ông T đã không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà D nữa. Đồng thời, giữa bà D, ông T đã có một khoảng thời gian dài sống ly thân nhưng cho đến phiên tòa sơ thẩm bà D, ông T vẫn không tìm được phương thức nào để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm. Như vậy mục đích hôn nhân giữa bà D, ông T đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó bà D yêu cầu ly hôn đối với ông T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Bà D xác nhận quá trình chung sống giữa bà và ông T có 01 con chung tên là Huỳnh Lê Quốc K, sinh ngày 01/9/2016. Hiện nay cháu đang sống cùng với bà D. Do đó khi ly hôn bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Huỳnh Lê Quốc K, sinh ngày 01/9/2016.

Theo biên bản tự khai của cháu Huỳnh Lê Quốc K ngày 19/9/2023 thì cháu K có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Mặt khác, do ông T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình về con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét khả năng của các đương sự về việc đảm bảo sự ổn định cuộc sống, tinh thần cho các con sau khi ly hôn cũng như căn cứ vào nguyện vọng của trẻ theo quy định khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Huỳnh Lê Quốc K cho bà Lê Thị Tú D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Ngày 08/11/2023 nguyên đơn bà Lê Thị Tú D có nộp Đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện và không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà Lê Thị Tú D không yêu cầu ông Huỳnh Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

[9] Về T sản chung, nợ chung: Bà D xác định không có, không yêu cầu Tòa giải quyết còn ông T vắng mặt không thể hiện ý kiến của ông về T sản chung, nợ chung giữa ông và bà D. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề T sản chung, nợ chung theo yêu cầu của bà D và Tòa không đặt ra để giải quyết, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Lê Thị Tú D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tú D đối với bị đơn ông Huỳnh Văn T về việc tranh chấp ly hôn.

1.1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Tú D được ly hôn với ông Huỳnh Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Tú D và ông Huỳnh Văn T chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số: 03/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/01/2015 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Bà Lê Thị Tú D được quyền nuôi dưỡng cháu Huỳnh Lê Quốc K, sinh ngày 01/9/2016. Ghi nhận bà Lê Thị Tú D không yêu cầu ông Huỳnh Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lê Thị Tú D về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Huỳnh Văn T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về T sản chung: Bà Lê Thị Tú D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Lê Thị Tú D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Tú D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà D đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0020033 ngày 17/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Tú D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thường Đông